TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 05-01-2021

V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Mạc Duy Phu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Ngọc Thành

2. Ông Nguyễn Văn Thẩm

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 251/2020/TLST-HNGĐ ngày 04/11/2020 về việc "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 18/12/2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Phạm Thị P, sinh năm 1985, có mặt;

2. Bị đơn: Anh Vũ Tuấn M, sinh năm 1970, có mặt;

Đều có địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị P trình bày:

Chị và anh Vũ Tuấn M tổ chức đám cưới vào ngày mồng 6 tết năm 2002 (tức ngày 17/02/2002 dương lịch) nhưng không đăng ký kết hôn, vì chị chưa đủ tuổi kết hôn. Việc anh chị sống chung với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau ngày cưới, vợ chồng chị sống chung với bố mẹ đẻ anh M tại thôn C. Thời gian đầu, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2013, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chênh lệch về tuổi tác dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân nhưng được gia đình khuyên giải chị lại về

chung sống với anh M. Tháng 4/2020, chị dọn ra ngoài để sống riêng. Tháng 5/2020, chị làm đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án nhưng được Tòa án hòa giải, gia đình động viên chị lại rút đơn về nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được đề nghị Tòa án xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh Vũ Tuấn M

Chị và anh M có hai con chung là Vũ Tuấn K, sinh ngày 07/11/2003; Vũ Thị T, sinh ngày 19/7/2009. Hiện nay, hai con chung đang ở với anh M. Chị và anh M thỏa thuận để anh M tiếp tục nuôi hai con. Anh M tự nguyện không yêu cầu chị cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị nhất trí.

Chị xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng không yêu cầu giải quyết. Nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên, chị xác định không có.

Tại Biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Vũ Tuấn M thừa nhận: Lời khai của chị P trình bày ở trên là đúng. Anh đồng ý quan điểm của chị P, đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản tự khai, cháu Vũ Tuấn K, cháu Vũ Thị T có nguyện vọng xin được ở với bố.

Tại phiên tòa, các đương giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân - Gia đình; điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH 10 ngày 09 - 06 - 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân - Gia đình năm 2000; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị P và anh Vũ Tuấn M; Giao hai con chung Vũ Tuấn K, sinh ngày 07/11/2003; Vũ Thị T, sinh ngày 19/7/2009 cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng. Anh M tự nguyện không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng tiền nuôi con; Chị P phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Mặc dù, chị P khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M. Tuy nhiên, chị P, anh M thừa nhận không có đăng ký kết hôn. Xác minh ở UBND xã T không có tài liệu chứng minh việc chị P và anh M có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Do vậy, không có căn cứ xác định chị P và anh M đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, Hôn nhân giữa chị P và anh M không hợp pháp, không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hội đồng xét xử áp dụng các chế

định về việc không công nhận là vợ chồng được quy định tại Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân - Gia đình để xem xét, giải quyết.

[2]. Về quan hệ con chung: Chị P, anh M thỏa thuận giao hai con chung Vũ Tuấn K, sinh ngày 07/11/2003; Vũ Thị T, sinh ngày 19/7/2009 cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng. Anh M tự nguyện không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Sự thỏa thuận của anh chị không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của hai con chung được ghi nhận.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp đối với gia đình hai bên: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị P phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân - Gia đình; Điều 147, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phạm Thị P và anh Vũ Tuấn M.

2. Về con chung: Giao hai con chung Vũ Tuấn K, sinh ngày 07/11/2003; Vũ Thị T, sinh ngày 19/7/2009 cho anh Vũ Tuấn M tiếp tục nuôi dưỡng. Anh M tự nguyện không yêu cầu chị P cấp dưỡng tiền nuôi con.

Chị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị P phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0001990 ngày 04 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Chị P đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

4. Quyền kháng cáo**:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự,
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà,
- Chi cục Thi hành án huyện Thanh Hà,
- UBND xã T, huyện Thanh Hà,
- Lưu tòa,
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mạc Duy Phu